

**CÔNG TY TNHH ÂM THANH NHẬT HOÀNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ÂM THANH NHẬT HOÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT HOANG SOUND COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NHAT HOANG SOUND CO ., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108264819

**3. Ngày thành lập:** 09/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 03, ngách 183A/78, tổ 21, phố Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; | 4932     |
| 2.  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                               | 7920     |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 3. | <p>Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất thiết bị âm thanh và video điện tử cho giải trí gia đình, xe có động cơ, hệ thống truyền thanh và thiết bị khuếch đại âm thanh;</li> <li>- Sản xuất đầu máy viđêô và thiết bị sao chép;</li> <li>- Sản xuất tivi;</li> <li>- Sản xuất màn hình vô tuyến;</li> <li>- Sản xuất hệ thống thu thanh và sao chép;</li> <li>- Sản xuất thiết bị âm thanh nổi;</li> <li>- Sản xuất máy thu radio;</li> <li>- Sản xuất hệ thống loa phóng thanh;</li> <li>- Sản xuất loại video camera kiểu hộ gia đình;</li> <li>- Sản xuất máy hát tự động;</li> <li>- Sản xuất máy khuếch đại cho nhạc cụ và hệ thống truyền thanh;</li> <li>- Sản xuất micrô;</li> <li>- Sản xuất đầu DVD, CD;</li> <li>- Sản xuất máy karaoke;</li> <li>- Sản xuất tai nghe (ví dụ như dùng cho radiô, máy radiô âm thanh nổi, máy tính);</li> <li>- Sản xuất bảng điều khiển của các chương trình trò chơi video.</li> </ul> | 2640 |
| 4. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2610 |
| 5. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;</li> <li>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;</li> <li>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;</li> <li>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;</li> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;</li> <li>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;</li> <li>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;</li> <li>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4649 |
| 6. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4653 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu. | 4659        |
| 8.  | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7210        |
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652(Chính) |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5229        |
| 11. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5610        |
| 12. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5621        |
| 13. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9311        |
| 14. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4641        |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4931        |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933        |
| 17. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7912        |
| 18. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)<br>(trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4512        |
| 19. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, vécni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;                                                                                                                                                                                                                                         | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>- Radiô, cassette, tivi;<br>- Loa, thiết bị âm thanh nổi;<br>- Máy nghe nhạc;<br>- Đầu video, đầu đĩa CD, DVD. | 4742 |
| 21. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                             | 4690 |
| 22. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                          | 6619 |
| 23. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                      | 7020 |
| 24. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                        | 7710 |
| 25. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn                                                                                                                                                              | 7220 |
| 26. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                     | 7310 |
| 27. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                     | 8230 |
| 28. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                     | 1820 |
| 29. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Đại lý; môi giới                                                                                                                                                                  | 4610 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh,                                                                                     | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                    | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ VĂN NAM     | Số 82 dãy 2 khu giãn dân, tổ Vĩnh Thành, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2.400.000.000         | 40,000    | 013675455                                                                                                                                         |         |

|   |             |                                                                                                         |               |        |           |  |
|---|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | LÊ TUẤN ANH | Số 03, ngách 183A/78, tổ 21, phố Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 3.600.000.000 | 60,000 | 013236277 |  |
|---|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ TUẤN ANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh:

Sinh ngày: 16/12/1994

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013236277

Ngày cấp: 17/01/2014

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 03, ngách 183A/78, tổ 21, phố Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 03, ngách 183A/78, tổ 21, phố Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội